

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh các quy hoạch có liên quan; bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi và vùng chăn nuôi tập trung tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau khi thống nhất với các sở, ngành, địa phương liên quan) tại Tờ trình số 817/TTr-SNN ngày 15/10/2015 và Báo cáo số 822/BC-SNN ngày 16/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh các quy hoạch có liên quan; bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Nội dung điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch.

1. Tiêu chí quy hoạch: Thực hiện theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng đối với trang trại chăn nuôi trâu, bò tập trung có quy mô từ 1.000 con trở lên: Khoảng cách tính từ ranh giới khu vực chuồng trại đến khu dân cư gần nhất tối thiểu 500m.

2. Điều chỉnh các quy hoạch có liên quan

- Đưa ra ngoài Quy hoạch phát triển rừng sản xuất phục vụ chế biến lâm sản giai đoạn 2013 - 2020 (theo Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của UBND tỉnh) với diện tích 604ha tại các xã thuộc huyện Kỳ Anh, cụ thể: Kỳ Lạc 337,4ha, Kỳ Tây 65,3ha, Kỳ Tân 40,6ha, Kỳ Thượng 58,8ha, Kỳ Lâm 94ha, Kỳ Hợp 7,9ha.

- Điều chỉnh Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung sang Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 (tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh) với diện tích 53,4 ha tại các xã thuộc huyện Vũ Quang, cụ thể: 30ha (Tọa độ (1): 489491, 2038954; (2) 489394, 2038966; (3) 489250, 2039123 (4) 489270, 2039245; (5) 489333, 2039358; (6) 489766, 2039471; (7) 489987, 2039395; (8) 490084, 2039410; (9) 490126, 2039153; (10) 489957, 2039062; (11) 489704, 2039080) tại vùng Khe Ná Con, thôn Hoa Thị, xã Hương Điền; 14,3ha (Tọa độ (1) 503806, 2028062; (2) 503677, 2028062; (3) 503500, 2028131; (4) 504016, 2028506) tại vùng Khe Trẽn, thôn Tùng Quang và 9,1ha (Tọa độ (từ tọa độ: Điểm đầu (1) 503595, 2025044; đến điểm dân cư (2): 504235, 2025930 thuộc hộ ông Nguyễn Thanh Sơn, thôn Kim Quang) tại vùng Khe Trẹo, thôn Kim Quang, xã Hương Quang (Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo).

3. Vùng bổ sung quy hoạch

Bổ sung vào Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 tổng cộng 32 vùng với tổng diện tích 479,68ha, trong đó quy hoạch chăn nuôi bò tập trung, quy mô lớn 14 vùng, diện tích 336,07ha; quy hoạch chăn nuôi lợn tập trung 17 vùng, diện tích 133,15ha; quy hoạch chăn nuôi tập trung khác 02 vùng, diện tích 10,46ha.

4. Bố trí các vùng đất bổ sung quy hoạch

- Quy hoạch chăn nuôi bò tập trung, quy mô lớn: Với diện tích 336,07ha, bố trí tại 14 vùng thuộc 06 khu vực tại 02 huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên; trong đó, huyện Kỳ Anh 07 vùng thuộc 04 khu vực, diện tích 173,07ha, huyện Cẩm Xuyên 07 vùng thuộc 02 khu vực, diện tích 163ha.

Riêng 03 khu vực Trụ Dồi (Kỳ Tây), Khe Xai (Kỳ Sơn), Cửa Thờ (Kỳ Lạc) thuộc huyện Kỳ Anh: Yêu cầu các Nhà đầu tư khi triển khai xây dựng

chuồng trại chăn nuôi bò phải xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng và các giải pháp kỹ thuật đảm bảo không chế không để nguồn nước, chất thải từ khu vực chuồng trại chảy ra môi trường, khu vực khe, suối và vùng hạ lưu (đặc biệt trong mùa mưa lũ). Nếu trong quá trình chăn nuôi nước thải từ khu vực chuồng trại làm ô nhiễm môi trường, nguồn nước,... thì Nhà đầu tư phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, tự bỏ kinh phí khắc phục môi trường và tự chịu mọi hậu quả do bị đình chỉ sản xuất, dừng hoặc thu hồi dự án theo quy định. Đối với khu vực Khe Xai (xã Kỳ Sơn) xây dựng trang trại chăn nuôi bò tập trung với quy mô không quá 1.000 con; khu vực Cửa Thờ (xã Kỳ Lạc) xây dựng trang trại chăn nuôi bò tập trung với quy mô không quá 500 con, khi quy hoạch chi tiết phải định vị vị trí xây dựng chuồng trại về phía Đông Bắc của vùng đất.

- Quy hoạch chăn nuôi lợn tập trung: Với diện tích 133,15ha, bố trí tại 17 vùng, xây dựng 17 trang trại, cụ thể: huyện Cẩm Xuyên 02 vùng, diện tích 6,2ha, 02 trang trại; huyện Nghi Xuân 02 vùng, diện tích 7,6ha, 02 trang trại; huyện Hương Khê 04 vùng, diện tích 20,1ha, 04 trang trại; huyện Hương Sơn 04 vùng, diện tích 59,5ha, 04 trang trại; huyện Vũ Quang 03 vùng, diện tích 30,25ha, 03 trang trại; huyện Thạch Hà 02 vùng, diện tích 9,5ha, 02 trang trại.

Đối với các vùng quy hoạch này, UBND huyện, UBND xã chịu trách nhiệm chỉ đạo các Nhà đầu tư, cơ sở chăn nuôi phát triển sản xuất đảm bảo quy trình kỹ thuật, có hiệu quả bền vững, tăng cường công tác quản lý nhà nước, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đảm bảo vệ sinh môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3683/UBND-NL ngày 24/7/2015).

- Quy hoạch chăn nuôi tập trung khác: Với diện tích 10,46ha tại 02 vùng thuộc huyện Thạch Hà, bố trí xây dựng 02 trang trại.

(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo).

5. Định hướng quy hoạch bổ sung một số yếu tố phục vụ sản xuất

- Định hướng quy hoạch vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (cỏ, cây thức ăn cho bò): Với diện tích 6.871,4ha, thuộc 02 huyện: Cẩm Xuyên và Kỳ Anh; trong đó, huyện Kỳ Anh 3566,6ha, thuộc các xã Kỳ Hợp 738,9ha, Kỳ Tây 888,1ha, Kỳ Lâm 393,4ha, Kỳ Tân 182,1ha, Kỳ Sơn 391,3ha, Kỳ Lạc 898,8ha, Kỳ Thượng 73,9ha; huyện Cẩm Xuyên 3304,8ha, thuộc các xã Cẩm Mỹ 1.077,4ha, Cẩm Quan 1.301,8ha, Cẩm Thịnh 925,6ha *(Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo).*

- Định hướng quy hoạch cơ sở hạ tầng:

+ Xây dựng 54km đường trục chính nối từ hệ thống giao thông đã có tại các địa phương đến vùng sản xuất, cụ thể: Vùng Kỳ Tây - Kỳ Hợp - Kỳ Lâm 11km; vùng Kỳ Lạc 7km; vùng Kỳ Sơn 4,5km; vùng Cẩm Quan - Cẩm Mỹ 12km; vùng Cẩm Thịnh 15km; các vùng khác 4,5km.

+ Xây dựng mới 06 đập tràn chứa nước trong khu vực quy hoạch để dự trữ và cấp nước cho phát triển chăn nuôi, trồng cỏ, cây nguyên liệu.

+ Xây dựng mới khoảng 25km đường dây điện cao thế; xây dựng 8 trạm biến áp để đấu nối với hệ thống điện đã có tại các xã đến các vùng chăn nuôi tập trung.

II. Bổ sung các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch

Ngoài các giải pháp được quy định tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh, bổ sung một số giải pháp để thực hiện như sau:

1. Công tác tuyên truyền và quản lý quy hoạch

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã công bố rộng rãi và tuyên truyền sâu rộng về quy hoạch đến các tầng lớp nhân dân, tạo đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện; giới thiệu tiềm năng, lợi thế về phát triển chăn nuôi và kêu gọi các nhà đầu tư tiến hành đầu tư phát triển chăn nuôi.

2. Giải pháp về công tác bồi thường, GPMB, thu hồi, cho thuê đất

- Giao UBND các huyện, thị xã tập trung chỉ đạo thực hiện nhanh, đúng quy định các trình tự, thủ tục về bồi thường, GPMB để kịp thời bàn giao mặt bằng cho Nhà đầu tư phát triển chăn nuôi; thực hiện đầy đủ các thủ tục thu hồi, cho thuê đất theo đúng quy định;

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn chính quyền địa phương, các Nhà đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác bồi thường, GPMB, thu hồi đất, cho thuê đất theo đúng quy định;

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương, đơn vị, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) theo đúng quy định.

3. Về công tác bảo vệ môi trường

- Yêu cầu các Nhà đầu tư phải thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, công trình hồ đập thủy lợi khi đầu tư phát triển chăn nuôi nhằm đảm bảo phát triển bền vững; phải xây dựng các công trình xử lý chất thải đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường, nguồn nước và nước thải phải đáp ứng các quy chuẩn hiện hành của Nhà nước; không xả thải ra sông, suối dẫn nước vào các công trình hồ, đập cấp nước sinh hoạt.

- Thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật trồng cỏ trên đất dốc, hạn chế xói mòn rửa trôi đất.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Cục Chăn nuôi;
 - Đ/c Bí thư, các PBT Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - UBNDTTQ, các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
 - Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
 - Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
 - Các Phó VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm CB - TH tỉnh;
 - Lưu VT, NL.
- Gửi VB giấy (64b) và ĐT

(để b/c)



Lê Đình Sơn

noth

Phụ lục 01:

**Vùng điều chỉnh Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung
sang Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**
(Kèm theo Quyết định số ~~405~~ 9/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, xã, vùng	Số vùng	Diện tích (ha)	Trong đó: QH chăn nuôi lợn (ha)	Vị trí	Đối tượng nuôi	Hiện trạng sử dụng đất	Ghi chú
	Tổng							
1	Vũ Quang	3	139,3	53,4				
1	Xã Hương Điền	1	100	30	Vùng Khe Ná, thôn Hoa Thị	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp	
2	Xã Hương Quang	2	39,3	23,4		Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp	
	Vùng 1	1	30,2	14,3	Vùng Khe Trên, thôn Tùng Quang	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp	
	Vùng 2	1	9,1	9,1	Vùng Khe Trọ, thôn Kim Quang	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp	

uok UBND TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 02:

**Vùng bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung
và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**
(Kèm theo Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, xã, vùng	Số vùng	Diện tích (ha)	Trong đó: QH chăn nuôi lợn (ha)	Vị trí	Đối tượng nuôi	Hiện trạng sử dụng đất
	Tổng	32	479,68	133,15			
I	Cẩm Xuyên	9	169,2	6,2			
1	Xã Cẩm Mỹ	4	100				
	Vùng 1	1	29,6		Khoảnh 2a, Tiểu khu 315	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 2	1	21,3		Khoảnh 4, Tiểu khu 314B (Khu vực Đá Mài, Trạng Tranh)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 3	1	45,3		Khoảnh 8, Tiểu khu 314B Ngâm Ngọc)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 4	1	3,8		Khoảnh 7a, Tiểu khu 314B	Bò	Đất lâm nghiệp
2	Xã Cẩm Quan	3	63				
	Vùng 1	1	6,2		Khoảnh 1, Tiểu khu 310 (Khu vực khe Cây Trôi)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 2	1	11,7		Khoảnh 2a, Tiểu khu 310 (Khu vực khe Cây Trôi)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 3	1	45,1		Khoảnh 4, Tiểu khu 311 (Khu vực khe Cây Trôi)	Bò	Đất lâm nghiệp
3	Cẩm Dương	2	6,2	6,2			
	Vùng 1	1	3	3	Vùng bắc Kênh N8, thôn Bắc Thành	Lợn, bò, gia cầm	Đất trang trại
	Vùng 2	1	3,2	3,2	Vùng Nam Kênh N8, thôn Bắc Thành	Lợn, bò, gia cầm	Đất trang trại
II	Kỳ Anh	7	173,07				
1	Xã Kỳ Hợp	2	37				
	Vùng 1	1	25		Khoảnh 1, Tiểu khu 369 (Khu vực Trụ Dời)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 2	1	12		Khoảnh 4, Tiểu khu 369 (Khu vực Trụ Dời)	Bò	Đất lâm nghiệp
2	Xã Kỳ Tây	1	23		Khoảnh 2, Tiểu khu 352b (Khu vực Trụ Dời)	Bò	
3	Kỳ Sơn	1	5		Khoảnh 4, Tiểu khu 399 (Khu vực Khe Xai)	Bò	Đất lâm nghiệp
4	Kỳ Lạc	3	108,07				
	Vùng 1	1	73,5		Khoảnh 4, Tiểu khu 403 (Khu vực Bai Bai)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 2	1	26,5		Khoảnh 9, Tiểu khu 403 (Khu vực Bai Bai)	Bò	Đất lâm nghiệp
	Vùng 3	1	8,07		Khoảnh 2a, Tiểu khu 384 (Khu vực Cửa Thời, xóm Lạc Tiễn)	Bò	Đất lâm nghiệp

TT	Huyện, xã, vùng	Số vùng	Diện tích (ha)	Trong đó: QH chăn nuôi lợn (ha)	Vị trí	Đối tượng nuôi	Hiện trạng sử dụng đất
III	Nghi Xuân	2	7,6	7,6			
1	Xuân Hải	1	3,3	3,3	Vùng Đồng Hưng, thôn Hải Lục	Lợn, bò, gia cầm	Đất trang trại
2	Xuân Mỹ	1	4,3	4,3	Vùng Cồn Mỏ, Thôn Tân Mỹ	Lợn, bò, gia cầm	Đất trang trại
IV	Hương Khê	4	20,1	20,1			
1	Gia Phố	2	11	11			
	Vùng 1	1	5,5	5,5	Vùng Khe Vôi, Thôn 13	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp
	Vùng 2	1	5,5	5,5	Vùng Khe Vôi, Thôn 13	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp
2	Phúc Đồng	1	4,1	4,1	Vùng Động Nhón, Thôn 4	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
3	Phủ Gia	1	5	5	Vùng Thuận Trị, Nam Sông Tiêm, thôn Trường Sơn	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
V	Hương Sơn	4	59,5	59,5			
1	Sơn Kim I	3	54,2	54,2	Sơn Kim I		
	Vùng 1	1	40	40	Đội 6 Khe Trù, thôn Khe Dầu	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
	Vùng 2	1	9,2	9,2	Đội 6 Khe Trù, thôn Khe Dầu	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
	Vùng 3	1	5	5	Vùng Khe Lui Lui, thôn Khe Dầu	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất rừng sản xuất
2	Sơn Tây	1	5,3	5,3	Vùng Nhà Hạ, Xóm Cây Tắt	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất rừng khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất
VI	Vũ Quang	3	30,25	30,25			
1	Đức Hương	1	18	18	Vùng Mụ Đàng, Chợ Chung, Con Kén, Thôn Hương	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
2	Đức Bồng	1	5,25	5,25	Vùng Cồn Lăng Phố, thôn 6	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
3	Hương Minh	1	7	7	Vùng Khe Cù, Thôn Hợp Lý	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
VII	Thạch Hà	3	19,96	9,5			
1	Bắc Sơn	1	5,5	5,5	Vùng Đồi Đập Bàng, thôn 5 (Trung Sơn)	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại
2	Ngọc Sơn	1	10	4	Thôn Trung Tâm	Lợn, bò, hươu, gia cầm	Đất lâm nghiệp
3	Thạch Tiến	1	4,46		Thôn Vĩnh Mới	Bò, hươu, gia cầm	Đất trang trại

NGH UBND TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 03:

Định hướng Quy hoạch vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

(Kèm theo Quyết định số ~~408P~~ /QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, xã, vùng	Số vùng	Diện tích (ha)	Vị trí
	Tổng	77	6871,4	
I	Cẩm Xuyên	33	3304,8	
1	Xã Cẩm Mỹ	12	1077,4	
	Vùng 1	1	85,9	Khoảnh 1a, Tiểu khu 315
	Vùng 2	1	34,2	Khoảnh 2a, Tiểu khu 315
	Vùng 3	1	18,6	Khoảnh 2, Tiểu khu 314B
	Vùng 4	1	34,4	Khoảnh 3, Tiểu khu 314B
	Vùng 5	1	246,9	Khoảnh 4, Tiểu khu 314B
	Vùng 6	1	54,1	Khoảnh 5, Tiểu khu 314B
	Vùng 7	1	159,3	Khoảnh 8, Tiểu khu 314B
	Vùng 8	1	142,4	Khoảnh 9, Tiểu khu 314B
	Vùng 9	1	37,8	Khoảnh 6a, Tiểu khu 314B
	Vùng 10	1	95,3	Khoảnh 6b, Tiểu khu 314B
	Vùng 11	1	126,2	Khoảnh 7a, Tiểu khu 314B
	Vùng 12	1	42,3	Khoảnh 7b, Tiểu khu 314B
2	Xã Cẩm Quan	13	1301,8	
	Vùng 1	1	126,7	Khoảnh 1, Tiểu khu 306
	Vùng 2	1	76,4	Khoảnh 1, Tiểu khu 310
	Vùng 3	1	55	Khoảnh 2a, Tiểu khu 310
	Vùng 4	1	71,7	Khoảnh 1, Tiểu khu 311
	Vùng 5	1	108,3	Khoảnh 2, Tiểu khu 311
	Vùng 6	1	151,5	Khoảnh 3, Tiểu khu 311
	Vùng 7	1	119,8	Khoảnh 4, Tiểu khu 311
	Vùng 8	1	126,7	Khoảnh 5, Tiểu khu 311
	Vùng 9	1	168,8	Khoảnh 7, Tiểu khu 311
	Vùng 10	1	81,1	Khoảnh 6a, Tiểu khu 311
	Vùng 11	1	72,1	Khoảnh 8a, Tiểu khu 311
	Vùng 12	1	36,4	Khoảnh 9a, Tiểu khu 311
	Vùng 13	1	107,3	Khoảnh 7, Tiểu khu 321
3	Xã Cẩm Thịnh	8	925,6	
	Vùng 1	1	108,4	Khoảnh 1, Tiểu khu 325A
	Vùng 2	1	196,9	Khoảnh 2, Tiểu khu 325A
	Vùng 3	1	116,8	Khoảnh 3, Tiểu khu 325A
	Vùng 4	1	140,8	Khoảnh 4, Tiểu khu 325A
	Vùng 5	1	35,6	Khoảnh 5, Tiểu khu 325A

TT	Huyện, xã, vùng	Số vùng	Diện tích (ha)	Vị trí
	Vùng 6	1	120,2	Khoảnh 1, Tiểu khu 336A
	Vùng 7	1	80,2	Khoảnh 2, Tiểu khu 336A
	Vùng 8	1	126,7	Khoảnh 3, Tiểu khu 336A
II	Kỳ Anh	44	3566,6	
1	Xã Kỳ Hợp	5	738,9	
	Vùng 1	1	138,9	Khoảnh 1, Tiểu khu 369
	Vùng 2	1	74,9	Khoảnh 2, Tiểu khu 369
	Vùng 3	1	231,8	Khoảnh 3, Tiểu khu 369
	Vùng 4	1	195,3	Khoảnh 4, Tiểu khu 369
	Vùng 5	1	98	Khoảnh 1, Tiểu khu 376
2	Xã Kỳ Lâm	6	393,4	
	Vùng 1	1	122,8	Khoảnh 5, Tiểu khu 375
	Vùng 2	1	60,7	Khoảnh 1, Tiểu khu 375
	Vùng 3	1	27,5	Khoảnh 1a, Tiểu khu 368B
	Vùng 4	1	107,3	Khoảnh 1, Tiểu khu 385
	Vùng 5	1	4,2	Khoảnh 2, Tiểu khu 385
	Vùng 6	1	70,9	Khoảnh 2a, Tiểu khu 385
3	Xã Kỳ Tây	9	888,1	
	Vùng 1	1	224,5	Khoảnh 1, Tiểu khu 352B
	Vùng 2	1	346	Khoảnh 2, Tiểu khu 352B
	Vùng 3	1	118,5	Khoảnh 3, Tiểu khu 352B
	Vùng 4	1	29,5	Khoảnh 4, Tiểu khu 352B
	Vùng 5	1	17,1	Khoảnh 6, Tiểu khu 354
	Vùng 6	1	15,5	Khoảnh 7, Tiểu khu 354
	Vùng 7	1	43,4	Khoảnh 1, Tiểu khu 355
	Vùng 8	1	76,8	Khoảnh 2a, Tiểu khu 355
	Vùng 9	1	16,8	Khoảnh 3a, Tiểu khu 355
4	Kỳ Thượng	2	73,9	
	Vùng 1	1	37,8	Khoảnh 1, Tiểu khu 372A
	Vùng 2	1	36,1	Khoảnh 2, Tiểu khu 372A
5	Kỳ Tân	2	182,1	
	Vùng 1	1	141,2	Khoảnh 2, Tiểu khu 364B
	Vùng 2	1	40,9	Khoảnh 1, Tiểu khu 378A
6	Kỳ Sơn	7	391,4	
	Vùng 1	1	91,2	Khoảnh 1, Tiểu khu 383
	Vùng 2	1	16,7	Khoảnh 2a, Tiểu khu 383
	Vùng 3	1	6,2	Khoảnh 3a, Tiểu khu 383
	Vùng 4	1	84,7	Khoảnh 4, Tiểu khu 383

TT	Huyện, xã, vùng	Số vùng	Diện tích (ha)	Vị trí
	Vùng 5	1	151,6	Khoảnh 5, Tiểu khu 383
	Vùng 6	1	26	Khoảnh 4, Tiểu khu 399
	Vùng 7	1	15	Khoảnh 5, Tiểu khu 399
7	Kỳ Lạc	13	898,8	
	Vùng 1	1	93,8	Khoảnh 10, Tiểu khu 402
	Vùng 2	1	117,5	Khoảnh 11a, Tiểu khu 402
	Vùng 3	1	104,1	Khoảnh 12, Tiểu khu 402
	Vùng 4	1	38,4	Khoảnh 13a, Tiểu khu 402
	Vùng 5	1	60,8	Khoảnh 5, Tiểu khu 402
	Vùng 6	1	83,7	Khoảnh 6, Tiểu khu 402
	Vùng 7	1	45,8	Khoảnh 8, Tiểu khu 402
	Vùng 8	1	114,9	Khoảnh 9, Tiểu khu 402
	Vùng 9	1	21,5	Khoảnh 3, Tiểu khu 403
	Vùng 10	1	139,1	Khoảnh 4, Tiểu khu 403
	Vùng 11	1	40,5	Khoảnh 5, Tiểu khu 403
	Vùng 12	1	9,6	Khoảnh 8, Tiểu khu 403
	Vùng 13	1	29,1	Khoảnh 9, Tiểu khu 403

soal
UBND TỈNH HÀ TĨNH